

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN GIAI THUY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN GIAI THUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN GIAI THUY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VAN GIAI THUY., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110567169

3. Ngày thành lập: 11/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 18 Phan Huy Chú, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903458155

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

20.	Trồng cây chè	0127
21.	Trồng cây lâu năm khác	0129
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
24.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
25.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hóa và giải trí cho khách hàng. Nó bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp. - Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác: + Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc, + Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v.. + Hoạt động của các nhà hát các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác, + Hoạt động của các nhà điêu khắc, hoạ sỹ, người vẽ tranh biếm hoạ, thợ chạm khắc, thợ khắc axit v.v.. + Hoạt động của các nhà văn, cho mọi đối tượng bao gồm cả viết hư cấu và viết về kỹ thuật v.v.. + Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v.... - Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở	9000

29.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở	9329
30.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
31.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
32.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
33.	Quảng cáo	7310
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
36.	Cho thuê xe có động cơ	7710
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
45.	Sản xuất chè	1076
46.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	In ấn	1811
52.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
53.	Sao chép bản ghi các loại	1820

54.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
55.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh)	4774
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
57.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet; - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Không bao gồm hoạt động Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
59.	Cơ sở lưu trú khác - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm	5590
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5610(Chính)
61.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5621
62.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm hoạt động của quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
64.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	5812
65.	Xuất bản phần mềm	5820
66.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
67.	Hoạt động hậu kỳ	5912
68.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
69.	Hoạt động chiếu phim	5914
70.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
71.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
72.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
73.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
74.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
75.	Đại lý du lịch -Kinh doanh đại lý lữ hành	7911

76.	Điều hành tua du lịch -Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa -Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
77.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
78.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
79.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
80.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
81.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
82.	Sản xuất nhạc cụ	3220
83.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
84.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
85.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
86.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá - Sản xuất nước đá	3530
87.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
88.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
100.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
104.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
105.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
110.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
111.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
112.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
113.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
114.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
115.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN ANH DŨNG	Thôn 1, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	22,222	0330890019 27	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	22,222		
2	BÙI BÍCH NGỌC	P444, Nhà C3, Khối 7, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	38,889	0381700258 49	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	38,889		

3	ĐỖ TUẤN ANH	Thôn Công Luận 1, Thị Trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	3.500.000.000	38,889	033089017030
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	350.000	3.500.000.000	38,889	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/04/1989 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033089017030

Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Công Luận 1, Thị Trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Công Luận 1, Thị Trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội